



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

eu

ti

el

ela

iso

nós

vós

eles

que

quen

onde

por que

como

cal

cando

entón

se

realmente

pero

porque

non

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

isto

Necesito isto

canto é?

ese

todo

ou

e

coñecer

Xa o sei

Non o sei

pensar

vir

poñer

coller

atopar

escoitar

traballar

falar

dar

gustar

axudar

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

amar

chamar

esperar

Gústasme

Non me gusta isto

quéresme?

Quérote

cero

un

dous

tres

catro

cinco

seis

sete

oito

nove

dez

once

doce

trece

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

1

0

Tôi yêu bạn

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

catorce

quince

dezaseis

dezasete

dezaioito

dezanove

vinte

novo

vello
novo

poucos

moitos

canto?

cantos?

incorrecto

correcto

malo

bo

contento

curto

longo

pequeno

16

15

14

19

18

17

cũ

mới

20

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

grande

alí

aquí

dereita

esquerda

fermoso

mozo
adxectivo

vello
mozo

boas

deica outra

vale

cóidate

non te preocupes

por suposto

bo día

ola

abur

adeus

con permiso

perdón

grazas

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

por favor

quero isto

agora

tarde

mañá
9:00-11:00

noite

madrugada

tardiña

mediodía

medianoite

hora

minuto

segundo
tempo

día

semana

mes

ano

tempo
reloxo

data

antonte

onte

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

hoxe

mañá
crás

pasado mañá

luns

martes

mércores

xoves

venres

sábado

domingo

Mañá é sábado

vida

muller
xeral

home
xeral

amor

mozo
persoa

moza

amigo

beixo

sexo

nenos

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

bebé

rapaza

rapaz

mamá

papá

nai

pai

pais

fillo

filla

irmá pequena

irmán pequeno

irmá maior

irmán maior

erguer

sentar

deitar

cerrar

abrir
porta

perder

gañar
deporte

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

morrer

vivir

acender

apagar

matar

mancar

tocar

ver

beber

comer

camiñar

encontrar

apostar
deporte

bicar

seguir

casar

responder

preguntar

pregunta

empresa

negocio

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cưới

kinh doanh

công ty

câu hỏi

traballo

cartos

teléfono

oficina

doutor

hospital

enfermeira

policía
persoa

presidente

branco

negro

vermello

azul

verde

amarelo

lento

rápido

gracioso

inxusto

xusto

difícil

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

fácil

Isto é difícil

rico

pobre

forte

débil

seguro
adjectivo

canso

orgullosa

farto

enfermo

san

enfadado

baixo
diagrama

alto
diagrama

recto

cada

sempre

en realidade

de novo

xa

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

menos

a maioría

máis

Quero máis

ningún

moito

animal

porco
animal

vaca
animal

cabalo

can

ovella

mono

gato
animal

oso

galiña

pato

bolboreta

abella

peixe
animal

araña

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

serpe

fóra

dentro

lonxe

próximo

debaixo

enriba

ao lado

adiante

atrás

doce

acedo

estraño

brando

duro

riquíño

estúpido

tolo

ocupado

alto
corpo

baixo
corpo

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

preocupado

sorprendido

xenial

educado

malvado

intelixente

frío

quente

cabeza

nariz

pelo

boca

orella

ollo

man

pé

corazón

cerebro

tirar

empurrar

premer

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

golpear

atrapar

loitar

lanzar

correr
verbo

ler

escribir

amañar

contar

cortar

vender

comprar

pagar

estudar

soñar

dormir

xogar

celebrar

descansar

desfrutar

limpar

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

escola

casa

porta

home
voda

muller
voda

voda

persoa

coche

fogar

cidade

número

vinte e un

vinte e dous

vinte e seis

trinta

trinta e un

trinta e tres

trinta e sete

corenta

corenta e un

corenta e catro

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

21

số

thành phố

30

26

22

37

33

31

44

41

40

corenta e oito

cincuenta

cincuenta e un

cincuenta e cinco

cincuenta e nove

sesenta

sesenta e un

sesenta e dous

sesenta e seis

setenta

setenta e un

setenta e tres

setenta e sete

oitenta

oitenta e un

oitenta e catro

oitenta e oito

noventa

noventa e un

noventa e cinco

noventa e nove

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

cen

mil

dez mil

cen mil

un millón

o meu can

o teu gato

o seu vestido

o seu coche

o seu balón

a nosa casa

o voso equipo

a súa empresa

todos

xuntos

outros

non ten importancia

saúde
bebida

reláxate

estou de acordo

benvido

10.000

1000

100

con chó của tôi

1.000.000

100.000

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

sen problema

xira á dereita

xira á esquerda

vai recto

ven comigo

ovo

queixo
comida

leite

peixe
comida

carne

verdura

froita

óso
comida

aceite

pan

azucres

chocolate

caramelo

torta

bebida

auga

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

soda

café

té

cervexa

viño

ensalada

sopa

sobremesa

almorzo

xantar

cea

pizza

bus

tren

estación de tren

parada de bus

avión

barco

camión

bicicleta

moto

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

taxi

semáforo

aparcamento

rúa

roupa

zapato

abrigo

xersei

camisa

chaqueta

traxe

pantalón

vestido

camiseta

calcetín

suxeitador

calzón

lentes

bolso

moedeiro

carteira

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

anel

sombreiro

reloxo
pulso

peto

como te chamas?

O meu nome é David

Teño 22 anos

como estás?

estás ben?

onde está o baño?

Estráñote

primavera

verán

outono

inverno

xaneiro

febreiro

marzo

abril

maio

xuño

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

xullo

agosto

setembro

outubro

novembro

decembro

compra

factura

mercado

supermercado

edificio

apartamento

universidade

granxa

igreja

restaurante

bar

ximnasio

parque

aseo
parque

mapa

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

ambulancia

policía
xeral

pistola

bombeiros

país

suburbio

aldea

saúde
corpo

medicina

accidente

paciente

cirurxía

pílula

febre

catarro

ferida

cita

tose

pescozo

cu

ombreiro

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

xeonllo

perna

brazo

barriga

seo

lombo

dente

lingua

beizo

dedo

deda

estómago

pulmón

fígado

nervio

ril

intestino

cor

laranxa
pintura

gris

marrón

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

rosa
cor

aburrido

pesado

lixeiro

só

famento

sedento

triste

empinado

chan
adxectivo

circular

anguloso

estreito

amplo

profundo

superficial

enorme

norte

leste

sur

oeste

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

sucio

limpo

cheo

baleiro

caro

barato

escuro

claro

atractivo

laczán

valente

xeneroso

guapo

feo

tonto

amigábel

culpábel

cego

bébedo

mollado

seco

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

morno

ruidoso

tranquilo

silencioso

cociña
edificio

cuarto de baño

sala de estar

dormitorio
casa

xardín

garaxe

parede

soto

aseo
casa

escaleira

tellado

fiestra

coitelo

taza

vaso

prato

copa
bebida

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

cubo do lixo

cunca

televisor

escritorio

cama

espello

ducha

sofá

foto

reloxo
parede

mesa

cadeira

piscina
xardín

timbre

veciño

fracasar

escoller

disparar

votar

caer

defender

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

atacar

roubar

queimar

rescatar

fumar

voar

levar

cuspir

patear

morder

respirar

ulir

chorar

cantar

sorrir

rir

medrar

encoller

discutir

ameazar

compartir

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhở

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

alimentar

esconder

advertir

nadar

saltar

rodar

levantar

cavar

copiar

entregar

buscar

practicar

viajar

pintar

ducharse

abrir
cerradura

pechar

lavar

rezar

cocinar

libro

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

biblioteca

deberes

exame

clase

ciencia

historia

arte

inglés

francés

pluma

lapis

tres por cento

primeiro

segundo
número

terceiro

cuarto

resultado

cadrado

círculo

área

investigación

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

3%

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

ngiên cứu

diện tích

hình tròn

grao

licenciatura

máster

x é menor ca y

x é maior ca y

estrés

seguro
substantivo

persoal

departamento

salario

endereço

carta

capitán

detective

piloto

profesor

mestre

avogado

secretaria

asistente

xuíz

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

$x > y$

$x < y$

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

director
empresa

xestor

cociñeiro

taxista

condutor de bus

criminal

modelo

artista

número de teléfono

cobertura

aplicación

chat

archivo

dirección url

endereço de correo
electrónico

páxina web

correo electrónico

teléfono móbil

lei

prisión

proba

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

multa

testemuña

tribunal

sinatura

perda

beneficio

cliente

suma
cartos

tarxeta de crédito

contrasinal

caixeiro
banco

piscina
deporte

electricidade

cámara

radio
aparelo

regalo

botella

bolsa
compra

chave

boneca

anxo

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

peite

pasta de dentes

cepillo de dentes

champú

crema

pano

barra de labios

televisión

cine

noticiario

asento

entrada

pantalla
cine

música

escenario

audiencia

pintura
arte

chiste

artigo

xornal

revista

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

anuncio

natureza

cinza

lume
xeral

diamante

Lúa

Terra

Sol

estrela

planeta

universo

costa

lago

bosque

deserto

outeiro

rocha

río

val

montaña

illa

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

océano

mar

tempo
fóra

xeo

neve

tormenta

chuvia

vento

planta

árbore

céspedede

rosa
flor

flor

gas

metal

ouro

prata

A prata é máis barata có
ouro

O ouro é máis caro cá prata

vacación

membro

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

hotel

praia

hóspede

cumpleanos

Nadal

Ano novo

Pascua

tío

tía

avoa paterna

avó paterno

avoa materna

avó materno

morte

tumba

divorcio

noiva

noivo

cento un

cento cinco

cento dez

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

110

105

101

cento cincuenta e un

douscentos

douscentos dous

douscentos seis

douscentos vinte

douscentos sesenta e dous

trescentos

trescentos tres

trescentos sete

trescentos trinta

trescentos setenta e tres

catrocentos

catrocentos catro

catrocentos oito

catrocentos corenta

catrocentos oitenta e catro

cincocentos

cincocentos cinco

cincocentos nove

cincocentos cincuenta

cincocentos noventa e cinco

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

seiscentos

seiscentos un

seiscentos seis

seiscentos dezaseis

seiscentos sesenta

setecentos

setecentos dous

setecentos sete

setecentos vinte e sete

setecentos setenta

oitocentos

oitocentos tres

oitocentos oito

oitocentos trinta e oito

oitocentos oitenta

novecentos

novecentos catro

novecentos nove

novecentos corenta e nove

novecentos noventa

tigre

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

con hỏ

990

949

rato
animal

rata

coello

león

burro

elefante

ave

galo

pomba

ganso

insecto

becho

mosquito

mosca

formiga

balea

quenlla

golfinho

caracol

ra

a miúdo

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

inmediatamente

de súpeto

aínda que

ximnasia

tenis
deporte

correr
deporte

ciclismo

golf

patinaxe sobre xeo

fútbol

baloncesto

natación

mergullo

sendeirismo

Reino Unido

España

Suíza

Italia

Francia

Alemaña

Tailandia

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

Singapur

Rusia

Xapón

Israel

India

China

Estados Unidos de América

México

Canadá

Chile

Brasil

Arxentina

Suráfrica

Nixeria

Marrocos

Libia

Kenya

Alxeria

Exipto

Nova Zelandia

Australia

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

África

Europa

Asia

América

un cuarto de hora

media hora

tres cuartos de hora

a unha en punto

as dúas e cinco

as tres e dez

as catro e cuarto

as cinco e vinte

as seis e vinte e cinco

as sete e media

as oito trinta e cinco

as dez menos vinte

as once menos cuarto

as doce menos dez

a unha menos cinco

unha en punto da mañá

dúas en punto da tarde

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

2:05

1:00

bốn mươi lăm phút

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

hai giờ chiều

một giờ sáng

12:55

a semana pasada

esta semana

a semana que vén

o ano pasado

este ano

o ano que vén

o mes pasado

este mes

o mes que vén

un de xaneiro de dous mil
catorce

vinte e cinco de febreiro de
dous mil tres

doce de abril de mil
novecentos oitenta e oito

trece de outubro de mil
oitocentos noventa e nove

trinta de setembro de mil
novecentos sete

doce de decembro de dous
mil

fronte

engurra

queixo
corpo

meixela

barba

pestanas

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

cella

cintura

caluga

peito

polgar

dedo maimiño

dedo anular

dedo medio

dedo índice

pulso
brazo

uña

talón

columna vertebral

músculo

óso
corpo

esqueleto

costela

vértebra

vexiga

vea

arteria

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàng quang

vaxina

esperma

pene

testículo

suculento

picante

salgado

cru

cocido

tímido

cobizoso

estrito

xordo

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc